

7. 感動の千円

JR 富山駅前交番のお巡りさんが今年二月、財布を落として帰る金がない老夫婦に九千円貸したところ、二度にわたって返却の書留が届いた。三月には「収入がないので待ってください」という手紙が来たが、六月に五千円、七月に五千円返してきた。多すぎる千円は「たばこでも」とあったが、交番ではそれはできないので、同じような貸し出しの資金の一部にすることにした。交番で借りても「返す人は半数」という今日このごろ、お巡りさんには感動の「千円」だった。

単語リスト：

感動の(かんだうの) Ấn tượng, cảm động	帰る(かえる) Về nhà	手紙(てがみ) Bức thư
JR(ジェイアール) Đường sắt Nhật Bản	金(かね) Tiền	返してきた(かえしてきた) Trả lại, trở lại
昌山駅前(とやまえきまえ) Phía trước nhà ga Toyama	老夫婦(ろうふうふ) Đôi vợ chồng già	多すぎる(おおすぎる) Nhiều thêm
交番(こうばん) Đồn cảnh sát	貸した(かした) Cho mượn, cho vay	同じような(おなじような) Tương tự
お巡りさん (おまわりさん) Cảnh sát	二度にわたって(にどにわたって) Trong hơn hai lần	貸し出し(かしだし) Sự cho vay, cho mượn
今年(ことし) Năm nay	返却(へんきゃく) Trả lại, hoàn lại	資金(しきん) Tiền vốn, vốn lưu động
財布(さいふ) Cái ví	書留(かきとめ) Thư bảo đảm	一部(いちぶ) Một phần
落として(おとして) Đánh rơi, làm mất	届いた(とどいた) Được giao đến	借りても(かりても) Khi vay, mượn
	収入(しゅうにゅう) Thu nhập	半数(はんすう) Một nửa
	待つ(まって) Chờ, đợi	